TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2019
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Mai Văn Tự;

- Ông Trần Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019.

Nguyên đơn: Anh T, sinh năm: 1984; địa chỉ: Nhà số 40, Tổ 3, ấp A, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị N, sinh năm: 1990; địa chỉ, Nhà số 40, Tổ 3, ấp A, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 02 năm 2019 và bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh T trình bày:

Anh và chị N tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn ngày 27-3-2008, tại Ủy ban nhân dân xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Đến năm 2014 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn sau đó thì chị N bỏ nhà ra đi cho đến nay không rõ tung tích. Ngày 13 tháng 4 năm 2018, anh có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh "Tuyên bố một người mất tích". Đến ngày 16-10-2018, Tòa án nhân dân Huyện D ban hành Quyết định số 21-2018/QĐDS-ST chấp nhận yêu cầu của

anh "Tuyên bố một người mất tích" đối với chị N, sinh năm: 1990; địa chỉ, Nhà số 40, Tổ 3, ấp A, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Do chị N đã bị tuyên bố mất tích nên anh yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Không có,

Về tài sản chung, nợ chung: Không có;

Bị đơn: Chị N, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án niêm yết các thủ tục về tố tụng nhằm triệu tập hợp lệ chị N đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng chị N không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; không vi phạm về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh T được ly hôn với chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị N vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng để đảm bảo việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh T và chị N tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn ngày 27-3-2008, tại Ủy ban nhân dân xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Đến năm 2014 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn rồi chị N bỏ nhà ra đi. Anh T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh "Tuyên bố một người mất tích". Đến ngày 16-10-2018, Tòa án nhân dân Huyện D, ban hành Quyết định số 21-2018/QĐDS-ST chấp nhận yêu cầu của anh T "Tuyên bố một người mất tích" đối với chị N, sinh năm: 1990; địa chỉ, Nhà số 40, Tổ 3, ấp A, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (Quyết định có hiệu lực pháp luật).

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nhị không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên không tiến hành hòa giải được. Do chị N đã bị tuyên bố mất tích nên anh T yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị N là có căn cứ chấp nhận.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội thì anh T phải chịu tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh T; cho anh T được ly hôn với chị N; giữa anh T và chị N không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về hôn nhân, được khấu trừ vào tiền nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh T đã nộp theo biên lai số 0011428 ngày 22-02-2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D ghi nhận anh T nộp xong;

Quyền kháng cáo: Anh T, chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND Huyện D;
- Chi cục THADS Huyện D;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Văn Khanh